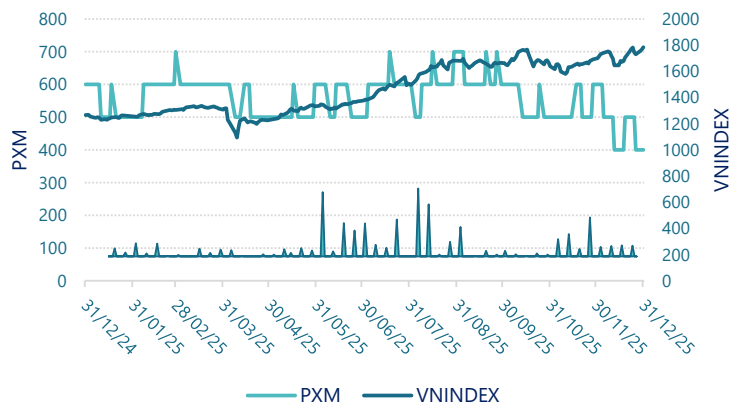


CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (UPCOM: PXM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	400
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,725
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
P/E	-0.3
EPS	-1,297

DT thuần

Q4/25

0.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.08 | 41.4%

YoY: ▼ 0.02 | -7.3%

LN sau thuế

Q4/25

-4.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.01 | -0.3%

YoY: ▲ 0.02 | 0.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-163%

+/- YoY: ▼ 181%

DT thuần

2025

0.64

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.01 | -2.3%

LN sau thuế

2025

-19.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.20 | -6.3%

ROE

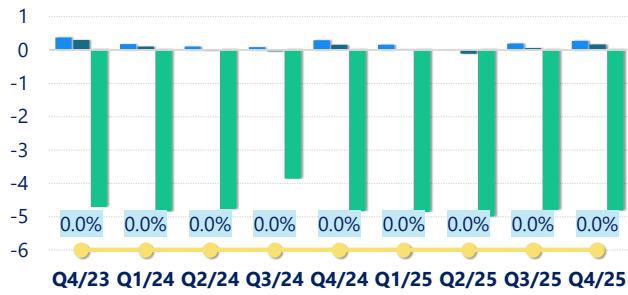
2025

3.9%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

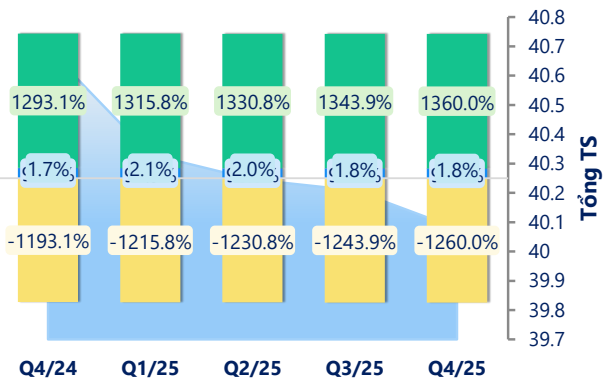


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

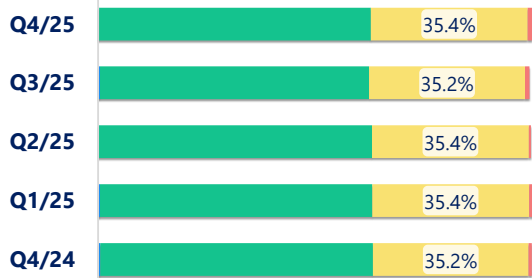
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

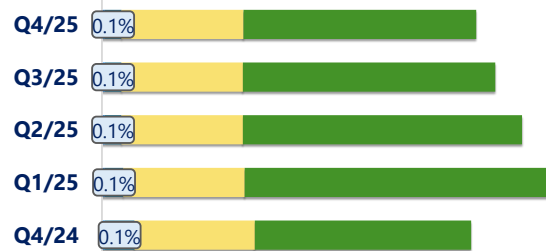
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
TSNH khác
Đầu tư TC ngắn hạn
Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

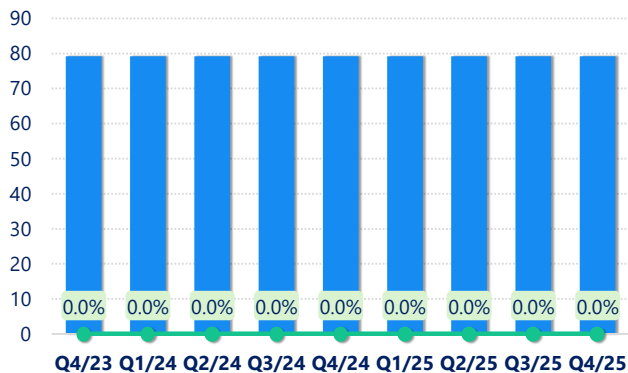


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

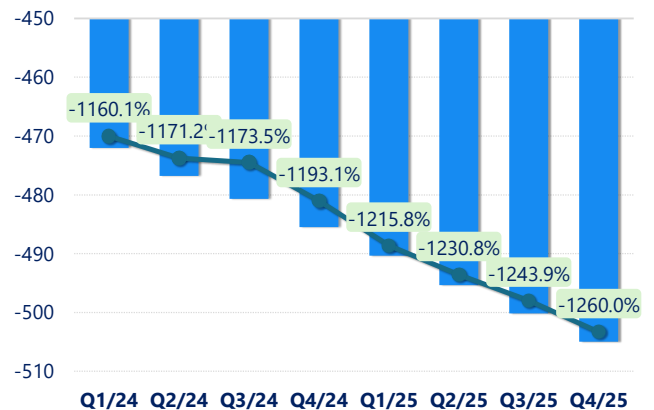


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

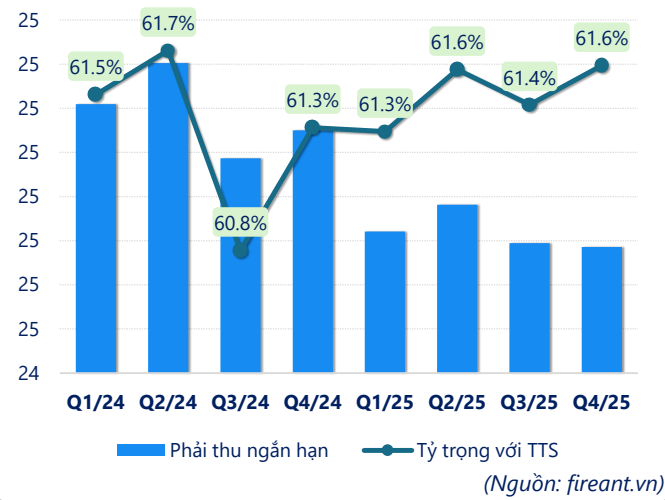
Vốn chủ sở hữu



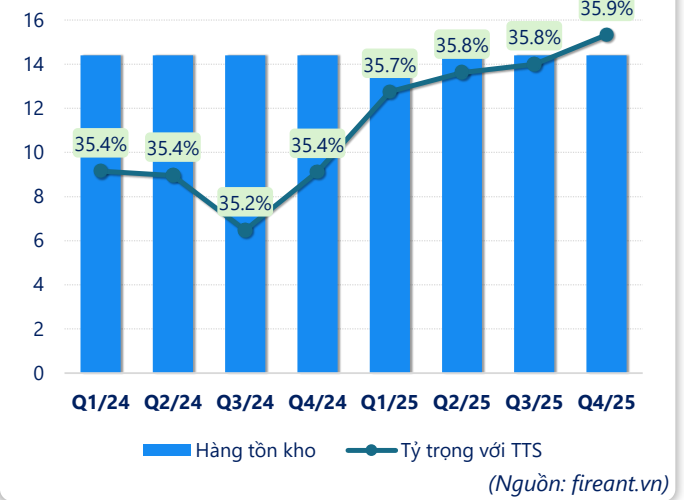
Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

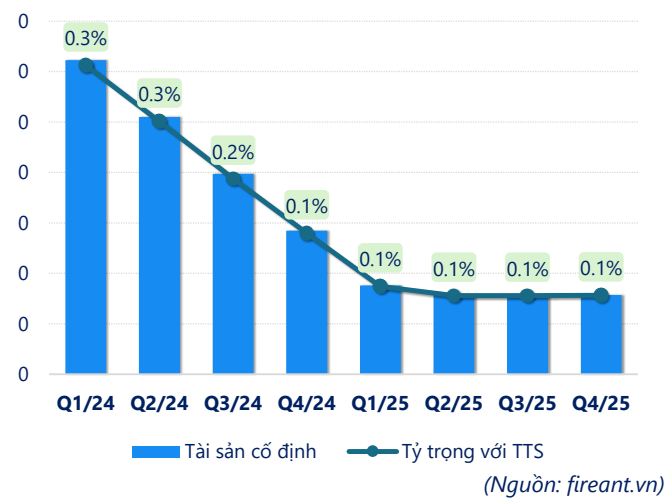
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


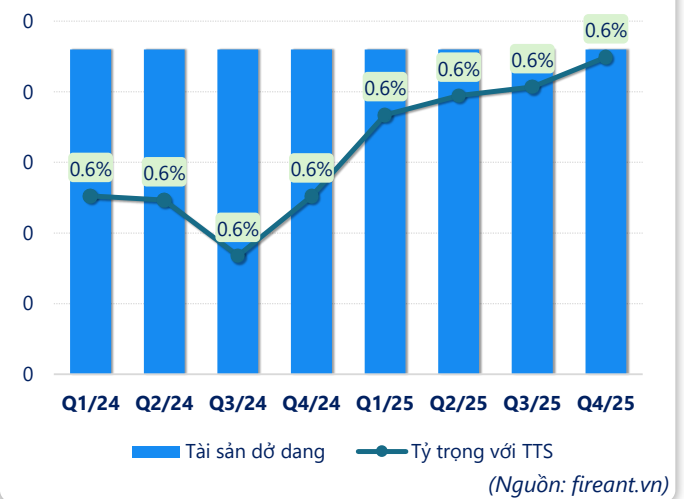
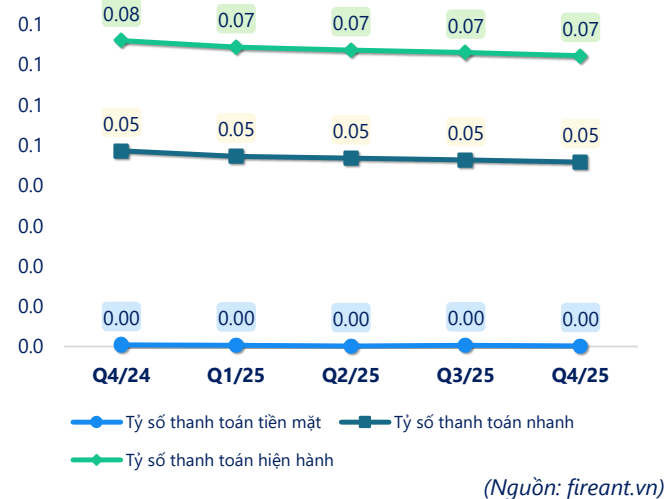
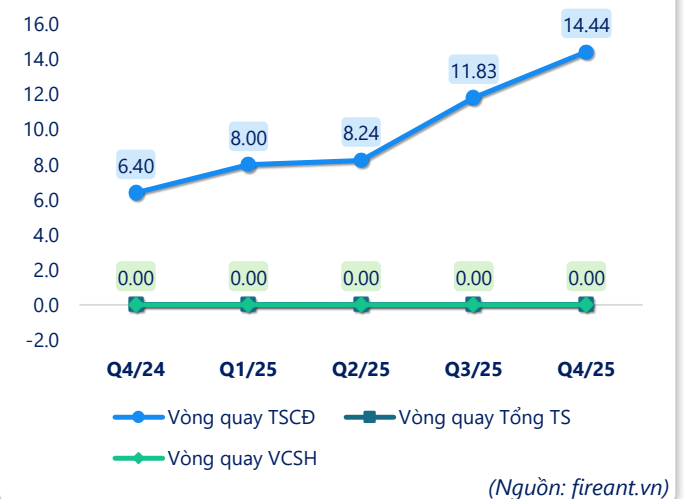
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	40.7	40.3	40.2	40.2	40.1
Tài sản ngắn hạn	40.0	39.5	39.5	39.5	39.4
Tiền và tương đương tiền	0.21	0.16	0.07	0.17	0.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	24.9	24.7	24.8	24.7	24.7
Hàng tồn kho	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.42	0.19	0.20	0.19	0.19
Tài sản dài hạn	0.71	0.85	0.79	0.74	0.71
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	0.06	0.04	0.03	0.03	0.03
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.41	0.58	0.53	0.48	0.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	526	531	536	540	545
Nợ ngắn hạn	526	531	536	540	545
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.2	79.2	79.2	79.2	79.2
Phải trả người bán ngắn hạn	125	125	125	125	125
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-486	-490	-495	-500	-505
Vốn chủ sở hữu	-486	-490	-495	-500	-505
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)